

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 43, 31/10/2025

Đầu tiên là...tiền đâu?

Tiêu điểm:

- Ngày 26 tháng 10 năm 2025, tại Kuala Lumpur, hai bên Việt – Mỹ đã công bố một khung thỏa thuận thương mại mang tên “Công bằng – Cân bằng – Hợp tác” nhằm nâng cấp quan hệ kinh tế – thương mại song phương.
- Việt Nam - Anh nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vào chiều 29/10/2025
- Ngày 30/10, sau phiên họp chính sách kéo dài 2 ngày, Fed quyết định giảm lãi suất tham chiếu thêm 25 điểm cơ bản, xuống 3.75-4%.

Đánh giá: Thị trường chứng khoán trong nước đang giao dịch trong vùng 1,600-1,700 điểm là phù hợp với dự phóng của chúng tôi khi nhóm VIC gặp áp lực chốt lời mạnh mẽ. Các thông tin vĩ mô tuần qua cho thấy bức tranh vĩ mô vẫn ổn định. Cụ thể, việc FED hạ lãi suất tiếp tục hỗ trợ cho chính sách tiền tệ nới lỏng của Việt Nam, và có thể phần nào giảm bớt đà hút ròng của khối ngoại. Ngoài ra, bộ khung thỏa thuận thương mại Việt – Mỹ đã có những chỉnh sửa mới có lợi cho việc đẩy mạnh xuất khẩu một số mặt hàng vào Mỹ.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,639.65 (-43.53 điểm; -2.59%) với thanh khoản tiếp tục sụt giảm. Chỉ số gặp áp lực giảm do hành động chốt lời mạnh mẽ diễn ra ở nhóm VIC. Hiện dòng tiền vẫn chưa tìm được nhóm ngành dẫn dắt chính và khối ngoại vẫn duy trì đà bán ròng.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ngắn hạn có thể giao dịch trong biên độ từ 1,600 – 1,700. Trong trường hợp thị trường quay về kiểm định thành công 1,600 điểm, nhà đầu tư có thể giải ngân cho vị thế trung dài hạn, tập trung nhóm cổ phiếu có nhiều động lực như hưởng lợi từ nâng hạng, kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ; hoặc mặt bằng định giá thấp hơn so với thị trường chung.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi					Định giá		
		1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,640	-2.6	-1.3	9.1	29.4		16.1	2.1	281
Upcom Index	113	2.3	3.7	7.3	19.4		12.6	1.3	32
HNX Index	266	-0.5	-2.7	-0.2	16.9		28.0	1.5	16
VN30 Index	1,885	-3.0	1.2	16.7	40.2		15.0	2.3	196
S&P 500 Index	6,822	0.5	2.0	7.6	16.0		28.4	5.6	60,432
STOXX Europe 600 Index	574	-0.3	2.8	5.1	13.1		16.6	2.3	17,223
Hang Seng	25,907	-1.0	-3.5	4.6	29.1		12.9	1.4	4,109
Nikkei 225	52,411	6.3	16.6	27.6	31.4		22.9	2.7	5,484
SHCOMP Index	3,955	0.1	1.9	10.7	18.0		0.0	0.0	8,852
STI Index	4,435	0.3	3.1	6.2	17.1		13.8	1.5	503
KOSPI Index	4,108	4.2	19.9	26.6	71.2		19.0	1.4	2,291

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
Giá trị vốn hóa	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.6	0.9	9.4	42.6	-29.0	-20.5	-28.4	8.2	90.2	-0.5	16.8	2.3	6,662,493
Mid Cap	2.3	-3.0	-0.6	8.4	-25.9	-25.7	-48.9	-30.7	9.2	0.3	17.0	1.4	528,345
Small Cap	1.7	-3.2	-2.3	4.9	12.4	1.0	-36.7	-26.1	0.5	0.2	23.4	0.7	65,405

Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Hóa chất	7.0	2.3	-3.4	-5.4	12.2	13.1	-28.4	-25.9	2.2	0.8	18.7	1.9	218,861
Công nghệ Thông tin	6.3	10.5	-1.4	-19.7	9.2	43.3	19.5	50.5	5.6	1.9	22.6	4.8	194,767
Bảo hiểm	3.2	-6.4	2.5	0.9	13.9	2.2	-47.9	-28.6	0.1	0.1	15.6	1.6	51,598
Tiện ích	3.1	0.3	-4.5	-2.1	9.1	20.7	-34.8	-19.6	0.9	0.3	18.7	1.9	285,650
Truyền thông	1.6	-11.5	-15.8	-2.4	-38.7	-47.3	-73.7	-72.4	0.1	0.0	18.7	1.5	2,873
Tài nguyên cơ bản	1.3	-5.5	0.3	14.1	-46.6	-47.7	-63.4	-37.8	3.8	-1.3	17.3	1.6	248,777
Dược và Y tế	1.2	0.2	1.7	-0.9	9.1	7.1	17.2	-5.5	0.2	0.1	18.4	2.3	40,004
Thực phẩm và đồ uống	1.1	-1.8	0.9	3.1	-46.4	-31.0	-38.9	-15.6	5.6	-1.9	18.8	2.6	435,611
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9	7.8	5.5	-6.3	-9.5	25.7	2.7	-8.4	0.7	0.1	13.0	1.7	59,329
Xây dựng và vật liệu	0.5	-2.2	6.3	22.9	-38.7	-30.0	-39.9	-6.0	5.4	-0.9	21.0	1.7	156,830
Dầu khí	-0.1	1.1	14.7	126.5	-12.9	-12.7	-44.4	-8.1	1.3	0.2	39.6	1.7	139,305
Ngân hàng	-0.9	-5.3	3.0	22.6	-32.7	-29.2	-41.7	-7.5	23.9	-1.6	10.9	1.8	2,582,122
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.5	3.6	3.8	50.0	-14.5	-0.6	2.6	43.2	8.0	1.3	20.4	2.5	255,663
Ô tô & Phụ tùng	-1.6	-5.9	-1.0	25.2	-34.2	-48.6	-58.7	-43.9	0.3	0.0	23.1	1.4	18,281
Bán lẻ	-2.6	6.9	12.4	26.5	-27.8	-16.7	-20.9	5.8	3.1	0.0	6.9	4.3	164,468
Du lịch và Giải trí	-2.8	4.6	4.5	166.8	-5.8	18.8	36.2	116.8	2.5	0.6	27.8	7.8	346,364
Tài chính	-3.0	-12.9	-4.8	34.2	-22.3	-12.0	-26.0	15.4	17.3	1.3	25.0	1.9	276,758
Bất động sản	-9.8	4.6	24.2	132.6	-31.9	-25.6	-21.1	16.3	18.9	-1.0	32.2	2.6	1,631,133

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	17,630	18,637	27,397
Ấn độ	1,050	2,398	2,398	-15,056
Indonesia	265	714	714	-2,593
Nhật Bản*	8,794	43,075	43,075	38,716
Maylayasia	-3	-436	-436	-4,179
Hàn Quốc	-638	3,146	3,146	2,340
Sri Lanka	-4	-16	-16	-106
Đài Loan	598	-1,801	-1,718	5,633
Thái Lan	-139	-119	-119	-3,000
Việt Nam	-42	-780	-780	-4,505

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,701	-1.1	1.7	-207.9	-492.6
Nước ngoài	1,861	-2.7	8.0	-151.1	-364.5
VanEck Vectors Vietnam ETF	568	0.0	2.6	-9.7	-45.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	464	-0.3	-33.4	-171.1	-322.0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	348	-2.5	-2.3	-7.8	-33.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	275	0.0	42.1	46.0	46.0
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	-0.9	-8.5	-8.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	841	1.7	-6.2	-56.7	-128.1
DCVFMVN Diamond ETF	523	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	228	2.0	-6.3	-47.5	-115.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	20	-0.1	0.3	0.1	-4.6
MAFN VN30 ETF	33	-0.3	-0.4	-9.0	-5.9
SSIAM VN50 ETF	5	0.0	0.0	-0.3	-1.2
VinaCapital VN100 ETF	23	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	8	0.1	0.3	0.0	-0.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

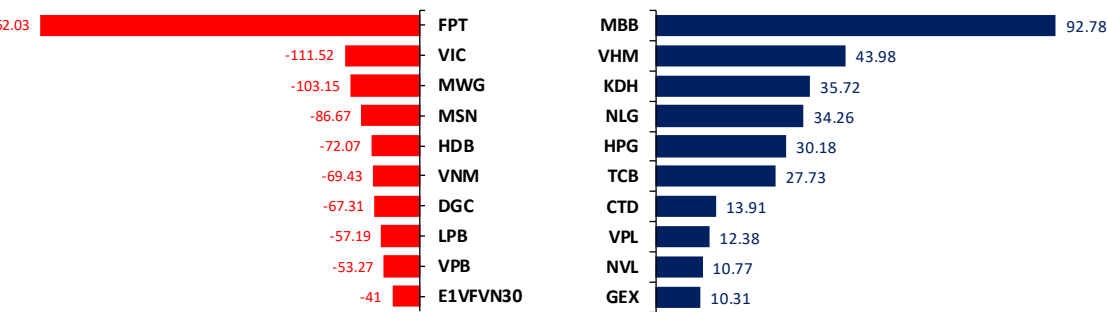
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

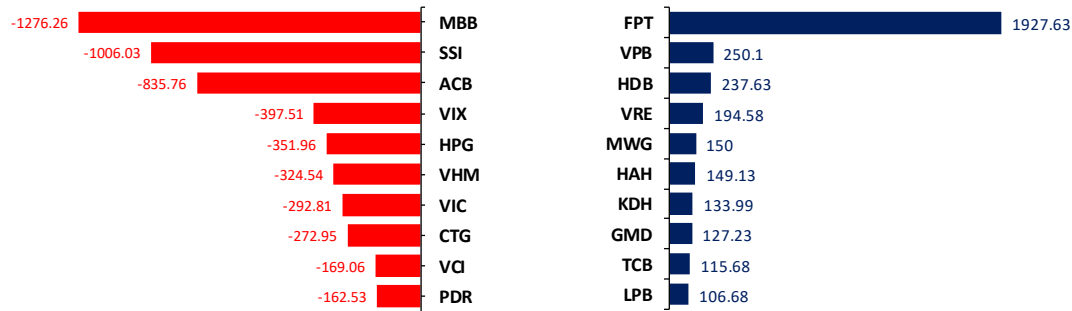
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	2	-424	-1,129	1,553
Tài nguyên Cơ bản	25	-279	288	-9
Truyền thông	0	-1	0	1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-35	175	-408	232
Y tế	0	-6	1	6
Hóa chất	-72	-51	211	-159
Dịch vụ tài chính	-61	-1,922	130	1,792
Du lịch và Giải trí	-36	-16	423	-408
Ngân hàng	-162	-1,386	725	661
Xây dựng và Vật liệu	7	-298	59	239
Thực phẩm và đồ uống	-168	-71	158	-87
Bán lẻ	-106	95	11	-107
Điện, nước & xăng dầu khí đ	-13	24	-5	-19
Hàng cá nhân & Gia dụng	-7	15	2	-17
Công nghệ Thông tin	-559	1,880	-789	-1,091
Ô tô và phụ tùng	-3	3	-62	59
Bảo hiểm	0	-1	10	-9
Dầu khí	5	-73	45	28
Tổng	-1,183	-2,334	-332	2,667

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TNI	Tài nguyên Cơ bản	1.73 - 7.68	5.3	-18.0%
2	GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16.29 - 65.70	44.1	-14.6%
3	VRE	Bất động sản	16.10 - 45.20	33.3	-14.2%
4	VHM	Bất động sản	37.60 - 131.50	99.2	-13.4%
5	VIC	Bất động sản	39.70 - 226.50	191.0	-12.8%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.7%	10.1	2.89 - 16.45	Thực phẩm và đồ uống	DAT
38.6%	12.9	8.90 - 22.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTB
27.2%	10.3	3.33 - 16.60	Thực phẩm và đồ uống	HSL
21.0%	2.5	1.77 - 3.96	Bất động sản	DRH
19.6%	10.3	1.60 - 7.22	Bất động sản	LDG

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PEN	Xây dựng và Vật liệu	6.00 - 11.00	8.9	-17.6%
2	CEO	Bất động sản	9.81 - 32.90	25.4	-17.5%
3	TJC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.80 - 20.90	13.7	-17.5%
4	UNI	Công nghệ Thông tin	5.30 - 11.70	8.5	-16.7%
5	NAG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.09 - 16.90	11.5	-11.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.7%	37.6	25.80 - 37.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	QHD
33.6%	16.3	8.10 - 16.40	Y tế	MKV
31.4%	26.8	9.00 - 28.20	Xây dựng và Vật liệu	PDB
23.6%	11.0	7.40 - 42.00	Thực phẩm và đồ uống	CTP
23.0%	38.0	19.00 - 38.00	Bảo hiểm	PTI

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ONW	Du lịch và Giải trí	3.00 - 5.80	3.6	-37.9%
2	QCC	Xây dựng và Vật liệu	8.60 - 32.40	18.7	-32.5%
3	RBC	Hóa chất	4.60 - 9.00	4.6	-29.2%
4	FRC	Tiêu dùng không thiết yếu	23.50 - 36.40	25.4	-27.4%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	17.50 - 26.50	19.1	-20.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
59.5%	37.0	6.70 - 46.20	Công nghệ Thông tin	VEC
48.5%	9.8	5.60 - 14.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VBH
47.7%	16.4	11.10 - 19.80	Hàng cá nhân & Gia dụng	BEL
47.0%	16.9	11.00 - 23.10	Truyền thông	IHK
39.7%	9.5	4.88 - 11.94	Truyền thông	VNX

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	ACG	Gỗ An Cường	Tài nguyên Cơ bản	412.3	728.7	36.4	3.65 - 5.73	7.3
2	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	9,669.5	436.1	78.0	39.00 - 88.50	10.6
3	HTG	Dệt may Hòa Thọ	Hàng cá nhân & Gia dụng	1,238.2	288.7	45.8	23.25 - 52.50	1.3
4	MSH	May Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	11,118.4	271.6	38.8	25.17 - 41.87	13.1
5	DHG	Dược Hậu Giang	Y tế	4,119.0	164.7	105.6	87.00 - 114.00	0.7
6	TNH	Chứng khoán DNSE	Y tế	2,566.4	160.8	13.2	11.85 - 18.78	8.7
7	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,119.7	141.5	49.0	38.00 - 54.30	2.1
8	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	8,411.9	116.9	53.5	42.85 - 71.80	0.4
9	HAH	Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	202,416.9	116.7	61.4	32.62 - 69.23	5.1
10	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	65,916.2	110.8	59.0	43.75 - 76.30	8.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

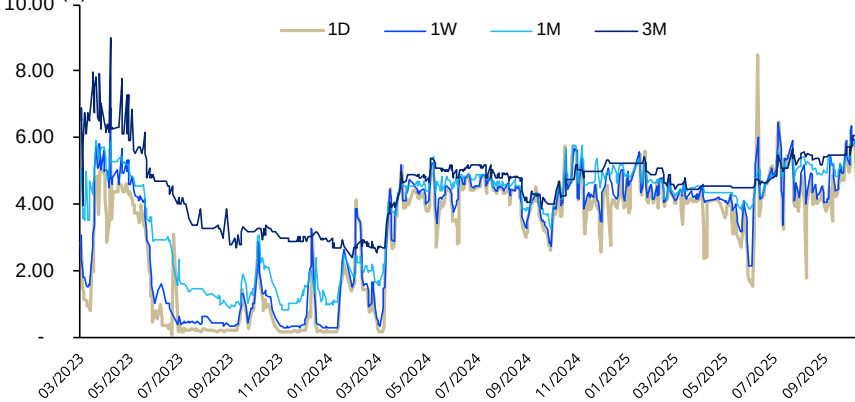
		Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dollar index	99.60	0.7	1.9	-0.4	-8.2	
	VND/USD	26,303	0.0	-0.5	0.4	3.2	
	KRW/USD	1,425.90	-0.9	1.6	2.3	-3.1	
	JPY/USD	154.29	0.9	4.3	2.3	-1.9	
	EUR/USD	0.86	0.5	1.4	-1.3	-10.5	
	SGD/USD	1.30	0.1	0.8	0.2	-4.8	
	CNY/USD	7.11	-0.1	-0.1	-1.2	-2.5	

Hàng hóa

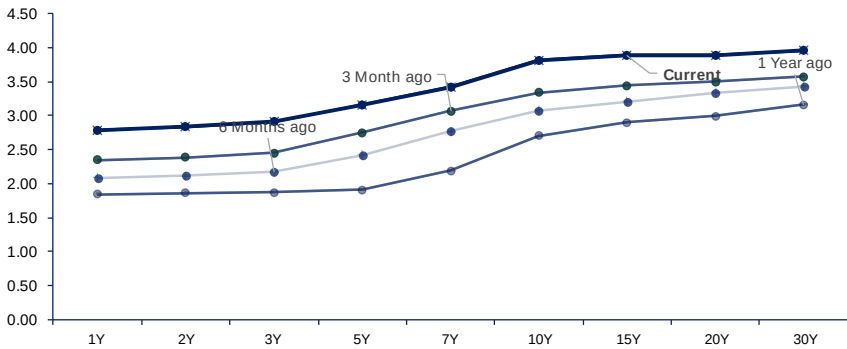
		Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dầu thô	60.45	-1.7	-3.1	-12.7	-15.7	
	Xăng	197.72	2.8	0.2	-10.8	-1.2	
	Gas	4.09	23.8	23.9	31.7	12.6	
	Than	104.15	0.0	-1.9	-9.5	-16.8	
	Vàng	4,018.88	-2.3	4.1	22.2	53.1	
	Bạc	49.18	1.1	5.4	33.9	70.1	
	Platinum	1,606.59	-0.2	2.0	24.3	77.0	
	Quặng sắt	105.73	0.2	0.4	6.7	2.0	
	Thép cán	3,347.00	1.1	-1.1	-4.1	-3.6	
	Lúa mì	523.50	2.1	3.1	0.0	-5.1	
	Ngô	430.00	1.6	3.5	9.1	-6.2	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.79	2.84	2.91	3.16	3.42	3.82	3.89	3.44	3.21
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.10	2.70	2.80	4.20	4.60

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Danh sách cổ phiếu theo dõi

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	ACB	25.5	27	24	5.9%	ACB giảm ít hơn thị trường chung trước thông tin về TPDN, cũng như sự ổn định trong HDKD của ngân hàng, phù hợp cho nhà đầu tư nắm giữ trung dài hạn
2	TCH	21.65	NA	24	NA	Công ty con CRV của TCH được niêm yết trên sàn HOSE. Pha giảm mạnh theo thị trường với thanh khoản lớn khiến TCH cần thời gian để tích lũy lại
3	PDR	22.55	25.6	22.7	13.5%	Kỳ vọng KQKD tăng trưởng mạnh mẽ trong 2025. PDR sau giai đoạn tích lũy có dấu hiệu tham gia của dòng tiền lớn
4	FPT	103.9	112	96	7.8%	Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm
5	NT2	24.05	27	24	12.3%	KQKD tăng trưởng mạnh mẽ với giá bán cao hơn kỳ vọng. Dòng tiền tham gia mạnh mẽ và giá thoát nền tích lũy

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- ♦ Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- ♦ Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- ♦ Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- ♦ Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- ♦ Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- ♦ Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- ♦ Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.